TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 7 - 2023
V/v ly hôn giữa chị T và anh V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Lê Trung Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T – Sinh năm 1996 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn Thượng N, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Phạm Đình V – Sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thượng N, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày: Chị và anh V tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N ngày 03/02/2015, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, anh V có đánh chị một lần và chửi đuổi chị đi, vấn đề này hai bên gia đình đều biết có động viên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Ngày 08/5/2023 gia đình anh V xuống nói chuyện với bố mẹ chị đến đón chị về, nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh V có đến nói chuyện, động viên chị về vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không nghe. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh V, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Phạm Thị Linh Đ, sinh ngày 14/5/2014 và Phạm Thủy T, sinh ngày 29/9/2019, hiện các con Đg ở cùng anh V. Khi ly hôn chị không đồng ý giao 02 cho anh V nuôi chị đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, chị xin được nuôi cháu Phạm Thủy T, tiếp tục giao cháu Phạm Thị Linh Đ cho anh V nuôi. Hiện chị Đg làm công nhân tại công ty YAMANI có trụ sở tại xã Nam Hồng, huyện N thu nhập hằng tháng từ 05 triệu đến 06 triệu đồng, nên giữa chị và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2023 bị đơn anh Phạm Đình V trình bày: Anh và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyên đăng ký kết hôn tại UBND xã B và quá trình vợ chồng chung đúng như chị T trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do đầu tháng 3/2023 anh chuyển đổi công việc nên kinh tế gia đình gặp khó khăn, anh có hỏi chị T về số tiền chung của 02 vợ chồng tích lũy (khoảng 50 triệu) để anh lo việc nhưng chị T trả lời không còn, cho rằng đã sử dụng vào việc chi tiêu hằng tháng trong gia đình hết, nhưng chị T không nói gì với anh, trong lúc tức giận anh có đánh đuổi chị T đi. Chị T về nhà đẻ ở từ tháng 5/2023 anh đến tìm nhưng chị T không về. Nay anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dậy con chung nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị T vẫn quyết tâm xin ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên tuổi và nơi ở của các con đúng như chị T trình bày. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con, yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh theo quy định của pháp luật. Anh không đồng ý giao mỗi người nuôi một con vì anh không muốn các con sống mỗi đứa ở một nơi. Hiện anh Đg làm nghề lái xe cho công ty tư nhân thu nhập mỗi tháng 08 triệu đồng.

Về tài sản: Anh V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị T và anh Phạm Đình V.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Phạm Thị Linh Đ, sinh ngày 14/5/2014 cho anh V nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Thủy T, sinh ngày 29/9/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự lập được. Chị T và anh V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, buộc chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đoàn Thị T và anh Phạm Đình V đều có đơn xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Phạm Đình V tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 03 tháng 02 năm 2015 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau, vấn đề này đã được bạn bè người thân khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ tháng 5/2023 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh V mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dậy con chung, nhưng nếu chị T vẫn quyết tâm xin ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật,

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh V không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Đình V của chị Đoàn Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là Phạm Thị Linh Đ, sinh ngày 14/5/2014 và Phạm Thủy T, sinh ngày 29/9/2019, hiện các con Đg ở cùng anh V. Khi giải quyết ly hôn anh V có nguyện vọng nuôi cả 02 con, chị T không đồng ý giao 02 con cho anh V nuôi chị đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con chị xin được nuôi cháu T.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương sự và của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Anh V và chị T đều sống chung với bố mẹ đẻ, cả 02 đều có thu nhập ổn định. Do vậy, căn cứ các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đề nghị của chị T, khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao con chung là cháu Phạm Thị Linh Đ cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Thủy T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên có khả năng lao động tự lập được. Anh V có nghĩa vụ giao con là Phạm thủy T cho chị T nuôi dưỡng.

Chị T và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Chị Đoàn Thị T và anh Phạm Đình V.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thủy T, sinh ngày 29/9/2019 và giao anh V tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Linh Đ, sinh ngày 14/5/2014. Anh V có nghĩa vụ giao con là Phạm Thủy T cho chị T nuôi dưỡng.

Chị T và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0000524, ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã B, huyện N;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Xuân Tiến	**Lê Trung Thành**	**Nguyễn Thị Ánh**